

Số: /TB-TT&CN

Cao Bằng, ngày 15 tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 1 THÁNG
(Từ ngày 15 tháng 10 đến ngày 15 tháng 11 năm 2022)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ: Trung bình 23⁰C - Cao 32⁰C - Thấp 15⁰C

Ẩm độ: Trung bình 75%

Nhận xét: Trong tháng ngày trời nắng, xen kẽ mưa rào, đêm và sáng sớm có sương mù trời lạnh, tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Sâu, bệnh phát sinh gây hại nhẹ - trung bình.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng/Diện tích kế hoạch (ha)
Lúa mùa: (Chính vụ, muộn)	Ngâm sữa – Chín	26.416,28/25.976 ha, đạt 101,7% KH
Ngô hè thu	Chín sấp – Chín	15.691,4/14.007 ha, đạt 112 % KH
Cây đỗ tương hè	Chín	1.650,69/2.057 ha, đạt 80,2 % KH
Lạc hè thu	Quả non – Chín	1.459,68/1.593ha, đạt 91,6 % KH
Cây mía: - Mía lưu gốc - Mía trồng mới	Tích lũy đường	2.761,11/2.945,0 ha, đạt 93,75% KH.
Cây sắn	Phát triển củ	3.023,94/2.026,0 ha, đạt 149,3 % KH.
Cây thạch đen	Thu hoạch	563,66/415,0 ha, đạt 135,8% KH
Cây dong riềng	Tích lũy tinh bột – Thu hoạch	474,94/371,0 ha, đạt 128,02 % KH.
Rau các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	1.500 ha
Cây ăn quả (cam, quýt)	Chín	539,41 ha
Thuốc lá	Vườn ươm: 2 – 4 lá, tiếp tục gieo trồng	

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 1 THÁNG QUA

1. Cây lúa mùa muộn:

- Rầy nâu, rầy lưng trắng (lúa 7, lúa 8): Mật độ phổ biến 200 - 400 con/m².
- Bọ xít dài: Mật độ phổ biến 1 - 2 con/m².
- Bệnh khô vằn: Tỷ lệ hại phổ biến 5 – 9 % danh C1-3.
- Bệnh đạo ôn cổ bông: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 2 % bông, cao 3 - 4% bông, C1- 3, diện tích nhiễm 15,0 ha. Năm 2021 tỷ lệ hại thấp chưa đến nhiễm.

2. Cây ăn quả (cam, quýt):

- Sâu đục thân: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 2% cây C1.
- Sâu đục cành: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 2% cành C1.
- Rệp muội: Tỷ lệ hại phổ biến 3 - 5% lá C1-3.
- Nhện đỏ: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 3% lá C1.

Ngoài ra còn có bệnh thán thư, bệnh phấn trắng, bệnh loét sẹo... gây hại nhẹ.

3. Cây mía

- Rệp sơ trắng: Tỷ lệ hại phổ biến 4 - 8 % cây C1.
- Sâu đục thân: Tỷ lệ hại phổ biến 2 - 3 % lá C1.
- Bệnh đốm bẹ lá: Tỷ lệ hại phổ biến 3 - 6% lá C1-3.
- Bệnh gỉ sắt: Tỷ lệ hại phổ biến 3 - 6% lá C1-3.
- Bệnh đốm vòng: Tỷ lệ hại phổ biến 3 - 6 % lá C1-3.

4. Rau các loại

- Sâu xanh: Mật độ phổ biến 1 - 2 con/m² T3-4.
- Sâu tơ: Mật độ phổ biến 2 - 5 con/m² T2-3.
- Rệp: Tỷ lệ hại phổ biến 2 – 6 % cây C1.
- Bệnh sương mai: Tỷ lệ hại phổ biến 2 - 3% cây C1.

Ngoài ra còn có bọ nhảy, bệnh héo xanh, bệnh thối nhũn vi khuẩn... gây hại nhẹ.

5. Cây thuốc lá (vườn ươm)

- Sâu xanh: Mật độ phổ biến 1 – 2 con/m² T1-2.
- Sâu xám: Mật độ phổ biến 1 – 2 con/m² T1-2.
- Rệp: Tỷ lệ hại phổ biến 2 – 5% cây C1.
- Bệnh sương mai: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 2% cây C1.

6. Cây trồng khác: Sâu bệnh phát sinh gây hại nhẹ.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THÁNG TỚI

1. Trên cây ăn quả (cam quýt): Sâu đục thân, nhện đỏ, rệp muội, ... tiếp tục gây hại.

2. Trên cây mía: Rệp sơ trắng, sâu đục thân, bọ trĩ, bệnh đốm bẹ lá, bệnh gỉ sắt... tiếp tục gây hại.

3. Trên cây rau các loại: Sâu tơ, sâu xanh, rệp, bệnh sương mai... Tiếp tục gây hại.

4. Trên cây thuốc lá (vườn ươm): Sâu xanh, sâu xám, rệp, bệnh sương mai... tiếp tục gây hại.

5. Trên cây trồng khác: Sâu bệnh phát sinh gây hại nhẹ.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

1. Trên cây rau

- Sâu tơ, sâu xanh, rệp: Sử dụng thuốc Tasieu 5 WG, Altach 5EC, ... để phun.

- Bệnh sương mai: Sử dụng thuốc Man xanh, Daconil 75WG, ... để phun.

2. Trên cây thuốc lá (vườn ươm)

- Sâu xanh, sâu xám, rệp: Sử dụng thuốc Tasieu 5 WG, Altach 5EC, Đại Bàng mỹ, Bafurit... để phun.

- Bệnh sương mai: Sử dụng thuốc Daconil 75WG, Man xanh, vua nấm... để phun.

Chú ý: Đọc kỹ hướng dẫn trên bao bì trước khi sử dụng thuốc.

3. Trên các cây trồng khác:

Tiếp tục điều tra, theo dõi thường xuyên phát hiện sớm, dự tính, dự báo kịp thời các đối tượng gây hại cây trồng để chủ động phòng trừ./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (P. BVTV);
- TT BVTV Phía Bắc;
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hội Nông dân; Hội LHPNVN tỉnh;
- Lưu: VT, TT BVTV.

CHI CỤC TRƯỞNG

Hoàng Minh Đạt

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

(Từ ngày 15 tháng 10 đến ngày 15 tháng 11 năm 2022)

TT	Cây trồng	GDST cây trồng	Tên dịch hại	Phân bố	Mật độ (con/m ²)		Diện tích nhiễm (ha)					DTN so với CKNT (ha)	DTPT (ha)
					Tỉ lệ (%)								
					Phổ biến	Cao	Tổng	DT chưa PT kỳ trước	Nhẹ, TB	Nặng	Mất trắng		
1	Lúa mùa Muộn	Ngậm sữa - Chín	Bệnh đạo ôn cổ bông	Hoà An	1 - 2	3 - 4	15,0		15,0			+ 15,0	15,0